TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án *số*:**267**/2020/KDTM-ST
Ngày: 27-02-2020
V/v: Tranh chấp giữa công ty và thành viên công ty.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
*****

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: **Bà Bùi Ngọc Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Nở**
Ông Phạm Văn Hễ

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Trịnh Ngọc Hân**

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên

Trong các ngày 17 tháng 10, ngày 13 tháng 11, ngày 09 tháng 12, ngày 19 tháng 12 năm 2019; ngày 14 tháng 01, ngày 11 tháng 02, ngày 27 tháng 02 năm 2020. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2017/TLST-KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp giữa công ty và thành viên công ty, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4634/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH in C
Địa chỉ: 766A/45 đường L, Phường L1, quận L2, TP. Hồ Chí Minh.
Đại diện ủy quyền: ông Lê Văn T, sinh năm 1989 (Có mặt).
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:
Bà Phạm Thị Th thuộc Công ty luật TNHH A

- **Bị đơn:** Trương Đình G, sinh năm 1971 (Có mặt).
Địa chỉ: 62/4E đường X, Phường X1, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên hệ: 235/27A đường V, phường V1, quận V2, Thành phố Hồ Chí Minh.
Ông G vắng mặt tại phiên tòa ngày 11 và ngày 27 tháng 02 năm 2020

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**
1/ Ông Trần Văn H, sinh năm 1983
Địa chỉ: 730/2/1 đường Q, Phường Q1, quận Q2, TP Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nghiêm Hùng C, sinh năm 1983
Địa chỉ: 766A/45 đường K , Phường K1, quận K2, TP Hồ Chí Minh.
Đại diện ủy quyền của ông Trần Văn H và ông Nghiêm Hùng C là ông Lê Văn T (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

I- Nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, tin tưởng lẫn nhau nên ông Trần Văn H, ông Nghiêm Hùng C, ông Trương Đình G thỏa thuận góp vốn thành lập công ty về in ấn với vốn điều lệ là 3.000.000.000 đồng theo tỷ lệ phần góp vốn như sau: Ông Trần Văn H góp vốn số tiền 1.020.000.000 đồng tương đương tỷ lệ 34%, Ông Nghiêm Hùng C góp vốn số tiền 990.000.000 đồng tương đương tỷ lệ 33%, Ông Trương Đình G góp vốn số tiền 990.000.000 đồng tương đương tỷ lệ 33%, dự định ngày 28/09/2016 sẽ H thành thủ tục lập công ty tại địa chỉ 766A/45 đường K, Phường K1, quận K2, TP Hồ Chí Minh. và chi nhánh công ty dự kiến đặt tại 51 đường Liên Khu 2-5, Phường B, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong khoảng thời gian trước khi thành lập công ty, các thành viên cùng nhau trao đổi cũng như thống nhất các phương án tìm mặt bằng, thuê xưởng, phân bổ nội thất, máy móc phục vụ cho mục đích hoạt động của công ty. Vì là thành viên góp vốn cũng như có các đóng góp cho quá trình thành lập công ty, ông G được các thành viên còn lại tin tưởng và được phân công chịu trách nhiệm tìm kiếm mua một máy in ấn phục vụ cho hoạt động của công ty. Còn ông H sẽ trực tiếp liên hệ thuê nhà xưởng, vật tư, nội thất,…

Sau thời gian tìm kiếm, ông G báo với ông H và ông C đã tìm được bên bán một máy in ấn, ông G nói với chúng tôi số tiền máy in ấn là 1.965.000.000 đồng. Sau khi đã thông báo thông tin về chiếc máy in ấn, ông G liên tục hối thúc ông H, ông C chuyển tiền cho người bán là bà Y, với lý do bà Y chuẩn bị sang nước ngoài nên cần bán lại gấp, ông G tô vẽ về chất lượng máy in này lại thuộc loại tốt và là hàng hiếm ở Việt Nam nếu không mua nhanh thì có một bên mua lại với giá cao hơn.

Tin tưởng vào những thông tin mà ông G cung cấp, mọi người đồng ý để ông G mua máy in nêu trên. Sau khi đã thống nhất, ông G thông báo đã chuyển khoản đặt cọc cho bên người bán là bà Y với số tiền là 1.000.000.000 đồng, còn thiếu 965.000.000 đồng. Ông G đề nghị công ty chuyển số tiền còn lại cho bà Nguyễn Thị Kim Tu. Khi hỏi bà Tu này là ai thì được ông G trả lời bà Tu này là con ruột của bà Y.

Ngày 29/08/2016, ông Trần văn H chuyển tiền mua máy in đợt 2 còn lại cho bà Nguyễn Thị Kim Tu, số tài khoản: 0631000396994 tại Ngân hàng Vietconbank Chi nhánh Bến Lức Long An.

Ngày 16/09/2016, ông G thuê người vận chuyển máy in về nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh công ty. Chúng tôi cũng tin tưởng ông G mà không hỏi những giấy tờ liên quan đến máy in như hợp đồng mua bán, hóa đơn bán hàng…

Tuy nhiên, sau một thời gian hoạt động thì P hiện giá trị thật sự của chiếc máy in Offset Sumitumo Miler mà ông G đã mua dao động khoảng 850.000.000 đồng, tức chênh lệch thấp hơn 1.115.000.000 đồng so với số tiền mà ông G đã báo cáo với công ty khi mua máy.

Nhận thấy có sự không minh bạch về nguồn gốc người bán máy cũng như giá trị của máy in trên qua lời nới của ông G, chúng tôi hỏi ông G về hợp đồng mua bán và hóa đơn liên quan đến máy in trên thì ông G luôn tìm cách né tránh câu trả lời. Đồng thời khi truy hỏi về nguồn gốc của người bán máy thì ông G trả lời là người bán máy là bà Y, bà Y ngay sau khi bán máy cho ông G đã ra nước ngoài. Do đó toàn bộ số tiền mua bán máy được chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Kim Tu – Người được ông G nói là con của bà Y.

Thông qua quá trình tìm hiểu, chúng tôi được biết nguồn gốc chiếc máy là của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ và Văn hóa Y (gọi tắt là "Công ty Y"), địa chỉ 70/12-14 đường L, Phường L1, Quận L2, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Đỗ Thị Kim Y và ông Khương Tấn P làm chủ sở hữu, và qua xác minh hiện nay bà Y, ông P vẫn đang sinh sống, hoạt động kinh doanh tại địa chỉ công ty Y nói trên, đồng thời giá trị chiếc máy in bà Y, ông P bán cho ông G với giá chỉ khoảng 850.000.000 đồng.

Chúng tôi không thể ngờ được rằng, lợi dụng mối quan hệ quá tốt và dựa vào sự tin cậy của chúng tôi đối với ông Trương Đình G mà ông G đã thực hiện hành vi lừa đảo kê khai khống giá trị của chiếc máy in so với thực tế, làm chúng tôi lầm tưởng rằng giá trị chiếc máy như ông G thông báo mà chấp nhận đồng ý mua máy in nhằm chiếm đoạt số tiền vốn góp của ông G vào tài sản của công ty mà đáng lẽ ông G phải góp đầy đủ số tiền 990.000.000 đồng cho công ty chúng tôi.

Không những không thừa nhận hành vi sai trái của mình, ông G còn dẫn dắt đưa ra những lý lẽ không đúng sự thật nhằm trì hoãn, kéo dài giải quyết vấn đề về việc ông G kê khai khống giá trị máy in. Hiện nay, chúng tôi đã thực hiện việc thẩm định giá chiếc máy in nêu trên nhằm tố cáo hành vi vi phạm nghiêm trọng của ông G. Căn cứ theo báo cáo kết quả thẩm định giá ngày 20/02/2017 của công ty TNHH Thẩm định giá M thì giá trị hiện tại của máy in khoảng 683.000.000 đồng.

Sau khi triệu tập hội đồng thành viên họp nhiều lần tại trụ sở chính của công ty địa chỉ: 766A/45 đường K , Phường K1, quận K2, TP Hồ Chí Minh, ông G không đến họp. Ngày 21/04/2017, ông G xuất hiện tại xưởng sản xuất của Công ty, tự động dùng khóa để khóa cửa nhà xưởng hoạt động, không cho nhân viên làm việc. Chúng tôi cố gắng dùng lý lẽ pháp luật mời ông G làm việc và giải trình việc góp vốn, ông G mới xuất trình hợp đồng mua bán máy với bà Tu thể hiện bà Tu đã nhận của ông G 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy có dấu hiệu làm giả giấy tờ, giả chữ ký của bà Tu trong hợp đồng mua bán ông G cung cấp. Thông tin của bà Tu trong hợp đồng ông G cung cấp như sau:

Bà Phạm Thị Kim Tu
Địa chỉ: 46 đường V, V1, Long An
Điện thoại: 094zzzzzzz
CMND số: 30xxxxxxxx cấp ngày 22/10/2007 tại tỉnh Long An.

- Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 48 Luật doanh nghiệp 2014 quy định:

"2. Thành viên phải góp vốn phần vốn góp cho công ty đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Thành viên công ty chỉ được góp vốn phần vốn góp cho công ty bằng các tài sản khác với loại tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của đa số thành viên còn lại. Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp như đã cam kết góp.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 điều này mà vẫn có thành viên chưa gớp hoặc chưa đủ số vốn đã cam kết thì được xử lý như sau:

a) Thành viên chưa góp vốn theo cam kết đương nhiên không còn là thành viên của công ty;

b) Thành viên chưa góp vốn đủ phần vốn góp như đã cam kết có các quyền tương ứng với phần vốn góp đã góp;

c) Phần vốn góp chưa góp của các thành viên được chào bán theo quyết định của Hội đồng thành viên".

Ông Trương Đình G thực tế chưa góp vốn vào Công ty, và ông G cũng không có biên nhận góp vốn. Nguyên đơn và bị đơn cũng chưa bao giờ có thỏa thuận về việc ông G góp vốn vào Công ty bằng số tiền mua máy in.

Ngoài ra, trong quá trình công ty kinh doanh ông Trương Đình G có nợ của Công ty số tiền là 230.511.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu năm trăm mười một nghìn đồng) thể hiện qua các hóa đơn bán lẻ. Số nợ này đã được ông G xác nhận qua bản chi tiết công nợ.

Công ty TNHH IN C đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết:

+ Hủy tư cách thành viên của ông Trương Đình G trong Công ty TNHH In C;

+ Buộc ông Trương Đình G phải thanh toán số tiền 230.511.000 đồng thanh toán một lần ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành.

- Về việc ông G yêu cầu triệu tập bà Thảo (kế toán của Công ty C In C) nguyên đơn sẽ có ý kiến sau.

Về việc bị đơn yêu cầu nguyên đơn cho biết về tình hình tài chính của Công ty In C năm 2017 và năm 2018, nguyên đơn không đồng ý, do ông G không là thành viên của Công ty nên nguyên đơn không cung cấp. Ngoài ra, yêu cầu bị đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của ông.

II- Bị đơn trình bày:

- Vào khoảng cuối tháng 8/2016, ông H tìm tới Công ty in NS của tôi vài lần bàn bạc sẽ góp vốn vào lĩnh vực in offset mà gia đình của ông H đang cần tìm nhà cung cấp in. Sau vài lần đi lại, tìm hiểu và tham khảo, bàn bạc giữa tôi và ông H có thống nhất góp vốn theo tỷ lệ 1:2 (ông H 2 cổ phần và tôi 1 cổ phần), số tiền góp vốn là 3 tỷ đồng.

Sau đó, ông H kêu tôi tìm mua máy in đã qua sử dụng. Tôi đã liên hệ 1 số bạn bè để tìm mua máy in. Trong đó, tôi được giới thiệu tới chị Tu (Nguyễn Thị Kim Tu) ngụ V – Long An chào bán tôi máy in hiệu Sumitumo-Miler-với giá là 1.965.000 đồng. Sau vài lần nhờ một số bạn bè thẩm định và xem xét máy tôi đã bàn bạc với ông H để lấy ý kiến thống nhất về giá cả, ông H đã đồng ý mua máy và hẹn ngày thanh toán.

Tôi có đưa cho ông H số tài khoản mà chị Tu để ông H chuyển phần tiền mà ông H dự định góp vốn là 1 tỷ còn phần 1 tỷ góp vốn của tôi thì tôi có bàn bạc với chị Tu là tôi sẽ đứng đại diện cổ phần góp vốn ở Công ty in C. Nếu sau một thời gian hoạt động công ty có lãi tôi sẽ thanh toán tiền nợ còn lại cho chị Tu thành nhiều đợt chi xong số nợ.

Sau khi Công ty hoạt động được 3 tháng thì nhân dịp cuối năm H kêu họp giải thể Công ty. Biên bản họp giải thể và thanh lý tài sản Công ty, tôi sẽ bổ sung sau. Trong quá trình đợi thanh lý thì tôi mới P hiện ông H đã tự ý cho Công ty hoạt động mà không thông báo cho tôi biết. Tôi có lên Công ty và niêm phong nhà xưởng đợi giải quyết tranh chấp.

Tôi không đồng ý với các lời khai của nguyên đơn.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu hủy tư cách thành viên của tôi trong Công ty TNHH In C tôi không đồng ý, do trong thời gian đợi giải thể Công ty, thì ông H đã tự lý lấy con dấu của của Công ty, tự ý hoạt động Công ty. Tôi đã góp vốn vào Công ty In C bằng số tiền 1 tỷ mà tôi đã trả cho bà Tu mua máy in cho Công ty. Tôi đã thanh toán 1 tỷ đồng cho bà Tu khi ký kết hợp đồng mua bán. Tại hợp đồng, phía bên dưới có chữ ký xác nhận của bà Tu là đã nhận đủ 1 tỷ đồng. Bản chính hợp đồng mua bán này tôi sẽ cung cấp sau. Việc mua bán máy in được thực hiện trước khi thành lập công ty. Vì trước khi thành lập công ty, việc sửa chữa, tu bổ lại nhà xưởng đều do tôi thực hiện. Do vậy, thực tế là Công ty đã thực hiện việc thu chi từ tháng 6/2016, các chứng từ thu chi này đều được để trong két sắt của Công ty do bà Thảo kế toán Công ty lưu giữ.

Đối với yêu cầu buộc tôi trả số tiền 230.511.000 đồng, tôi không đồng ý. Vì vào thời gian đó tôi đang điều hành Công ty và quản lý công nợ này. Số tiền này là công nợ của khách hàng nợ Công ty, không phải cá nhân tôi nợ Công ty.

Tôi yêu cầu Tòa án triệu tập bà Trần Thị Thanh T', sinh năm 1993 là kế toàn của Công ty TNHH In C tham gia vào các buổi làm việc và hòa giải lần sau do hiện nay bào Thảo đang giữ các tài liệu về chi phí từ khi thành lập Công ty cho đến khi giải thể Công ty.

Tôi yêu cầu nguyên đơn cho biết về tình hình tài chính của Công ty In C sau hai năm hoạt động, cụ thể là năm 2017 và năm 2018 mà không thông báo cho tôi được biết. Do trước đây, các thành viên trong Công ty có biên bản thỏa thuận về việc giải thể Công ty, nhưng sau đó ông H tự ý cho Công ty hoạt động. Vì vậy tôi muốn biết trong 2 năm đó tình hình tài chính của Công ty như thế nào.

III. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn T- đại diện được ủy quyền của ông Trần Văn H và ông Nghiêm Hùng C trình bày: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

IV- Tại phiên tòa:

1) Nguyên đơn trình bày:

Ngày 21-4-2017, các thành viên họp và xác định nghĩa vụ góp vốn của ông G nhưng ông G vẫn không góp, các thành viên khác đã được công ty cấp Giấy chứng nhận vốn góp ngày 28-10-2016.

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 28-9-2016. Việc thỏa thuận và giao nhận máy trước khi thành lập công ty, thời điểm ông G giao máy là 16-9-2016. Khi đưa máy vào hoạt động thì sản phẩm không tiêu thụ được do bị lỗi in trên vải, mực không đều, kẹt vải.

Khoảng tháng 12-2016, sau khi tham khảo một số người về giá thì công ty mới đặt nghi vấn về giá máy mà ông G mua và thuê Công ty TNHH thẩm định giá M thẩm định và kết quả là giá trị máy vào tháng 9-2016 là 683.323.030 đồng, giá trị máy vào tháng 2-2017 là 676.952.314 đồng

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2) Bị đơn trình bày:

Thực tế giá mua máy là 850.000.000 đồng. Tuy nhiên, còn có các chi phí khác như: Chi phí vận chuyển từ nhà bà Y đến Khuôn Việt TP là 75.000.000 đồng; Chi phí môi giới cho 02 người (Lâm và bạn Lâm) là 150.000.000 đồng; Sửa chữa, kiểm tra kỹ thuật là 80.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông G còn nộp vào công ty nhiều lần tổng số tiền là 500.000.000 đồng, hiện nay không còn giữ chứng từ.

Tháng 7-2016, ông G trực tiếp thuê xe cẩu chuyên dụng chở máy về công ty.

3) Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

+ Hủy tư cách thành viên của ông Trương Đình G trong Công ty TNHH In C;

+ Buộc ông Trương Đình G phải thanh toán số tiền 230.511.000 đồng thanh toán một lần ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành.

V- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

1) Về tuân theo pháp lệnh tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án thực hiện đúng các qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng khác trong giai đoạn thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: tuân theo những qui định tại của Bộ luật tố tụng Dân sự.

2) Về thẩm quyền giải quyết:

Công ty C yêu cầu Tòa án tuyên hủy tư cách thành viên của ông Trương Đình G tại Công ty C và buộc ông G phải thanh toán số tiền còn nợ. Theo qui định tại Điều 30, 37, 38 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 thì tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

3) Về nội dung vụ án:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy ông G không chứng minh được đã thanh toán số tiền mua máy là 1.000.000.000 đồng cho bà Tu nên không chứng minh được đã góp vốn vào công ty. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu hủy tư cách thành viên của ông G trong công ty là có căn cứ.

- Căn cứ bảng chi tiết công nợ về việc tổng hợp công nợ từ tháng 10/2016 đến tháng 01/2017 do Công ty C cung cấp thì ông G có ký xác nhận còn nợ công ty là 230.500.000 đồng. Ông G không chứng minh được số nợ nêu trên là của khách hàng nên Công ty yêu cầu ông G phải có nghĩa vụ trả công ty số tiền này là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhậ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh luận tại phiên tòa; các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về quan hệ đang tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ kiện:

Nội dung tranh chấp giữa Công ty TNHH in C và ông Trương Đình G là tranh chấp giữa công ty với thành viên công ty về vốn góp. Đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại.

Căn cứ Khoản 4 Điều 30; điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp qui định của pháp luật về thẩm quyền.

[2]- Về xem xét các yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]- Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi hủy tư cách thành viên của ông Trương Đình G trong Công ty TNHH in C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Công ty TNHH in C thành lập ngày theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28-9-2016; địa chỉ trụ sở tại 766A/45 đường K , Phường K1, quận K2, TP Hồ Chí Minh.; người đại diện pháp luật là Trần Văn H-giám đốc; vốn điều lệ là 3.000.000.000 đồng;

Danh sách các thành viên góp vốn gồm:
1- Trần Văn H: số vốn góp là 1.020.000.000 đồng, tương đương 34%
2- Nghiêm Hùng C: số vốn góp là 990.000.000 đồng, tương đương 33%
3- Trương Đình G, số vốn góp là 990.000.000 đồng, tương đương 33%

Theo trình bày của các đương sự thì trước khi thành lập công ty thì các thành viên có giao cho ông G tìm mua mua một máy in ấn phục vụ cho hoạt động của công ty.

Theo Hợp đồng mua bán hàng hóa ký giữa ông Trương Đình G và bà Nguyễn Thị Kim TuY thì máy in offset 4 màu hiệu SUMITOMO-MILER có giá trị là 1.965.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trương đình G xác nhận giá thực tế mua là 850.000.000 đồng. Ngày 29-08-2016, ông Trần Văn H chuyển tiền mua máy in đợt 2 là 965.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Kim Tu theo số tài khoản: 06ccccccccc tại Ngân hàng Vietconbank Chi nhánh V Long An.

Theo ông G trình bày thì khi máy được giao cho Công ty thì ông G đã phải bỏ thêm một số chi phí như: Chi phí vận chuyển 75.000.000 đồng; chi phí môi giới 150.000.000 đồng; sửa chữa máy 80.000.000 đồng. Ông G cũng trình bày đã nộp cho công ty tiền vốn góp là 500.000.000 đồng làm nhiều lần nhưng không cung cấp được chứng cứ cho lời trình bày nên không có căn cứ để được xem xét.

- Điều 48 Luật doanh nghiệp 2014 qui định về thực hiện góp vốn thành lập công ty và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp như sau:

…

2. *Thành viên phải góp vốn phần vốn góp cho công ty đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Thành viên công ty chỉ được góp vốn phần vốn góp cho công ty bằng các tài sản khác với loại tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của đa số thành viên còn lại. Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp như đã cam kết góp.*

3. Sau thời hạn qui định tại khoản 2 Điều này mà vẫn có thành viên chưa góp hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết thì được xử lý như sau:

a) Thành viên chưa góp theo cam kết đương nhiên không còn là thành viên của công ty;

b) Thành viên chưa góp vốn đủ phần vốn góp như đã cam kết có các quyền tương ứng với phần vốn góp đã góp;

c) Phần vốn góp chưa góp của các thành viên được chào bán theo quyết định của hội đồng thành viên.

- Điều lệ Công ty TNHH in C qui định về thực hiện góp vốn thành lập công ty và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp tại điều 8 như sau:

…

3. Trường hợp có thành viên không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp được coi là nợ của thành viên đó đối với công ty; thành viên đó phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại P sinh do không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết.

4. Sau thời hạn cam kết lần cuối mà vẫn có thành viên chưa góp đủ số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp được xử lý theo một trong các cách sau đây:

a) Một hoặc một số thành viên nhận góp đủ số vốn chưa góp;

b) Huy động người khác cùng góp vốn vào công ty;

c) Các thành viên còn lại góp đủ số vốn chưa góp theo tỷ lệ phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty

Ông Trương Đình G không chứng minh được đã góp đủ và đúng hạn phần vốn góp cho công ty nên không còn là thành viên của công ty theo qui định tại Khoản 3 Điều 48 Luật doanh nghiệp 2014.

Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận.

Tuy nhiên, Công ty TNHH in C phải thực hiện chào bán phần vốn chưa góp hoặc đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên theo qui định của Luật doanh nghiệp 2014.

[2.1]- Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi ông Trương Đình G phải thanh toán số tiền 230.511.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xem xét Bảng chi tiết công nợ đã được ông Trương Đình G xác nhận số nợ còn phải trả cho Công ty TNHH in C là 230.511.000 đồng kèm theo các hóa đơn chứng từ về việc đặt hàng và giao hàng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông G xác nhận đã ký Bảng chi tiết công nợ này nên yêu cầu đòi nơ của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận.

4. Về án phí:

4.1- Ông Trương Đình G phải chịu án phí trên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận:

- Đối với yêu cầu hủy tư cách thành viên của ông Trương Đình G trong Công ty TNHH in C, án phí là 3.000.000 đồng

- Đối với số tiền 230.511.000 đồng, án phí là 11.525.550 đồng

Tổng cộng án phí là 14.525.550 đồng.

4.2- Công ty TNHH in C được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Từ các lẽ trên;
Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Căn cứ Luật doanh nghiệp 2014,
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty TNHH in C, cụ thể:

- Hủy tư cách thành viên góp vốn của ông Trương Đình G trong Công ty TNHH in C;

- Buộc ông Trương Đình G có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH in C số tiền 230.511.000 đồng.

Công ty TNHH in C phải thực hiện chào bán phần vốn chưa góp hoặc đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên theo qui định của Luật doanh nghiệp 2014

2. Về án phí:

- Ông Trương Đình G phải chịu án phí là 14.525.550 đồng

- Công ty TNHH in C được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp là 5.763.000 đồng theo Bien lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0047028 ngày 28-6-2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có qui định khác.

Việc thi hành án được thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc kể từ ngày được niêm yết theo qui định.

Nơi nhận:
- TAND Tối Cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (Hân).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Ngọc Anh